TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5- AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/2026
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam;
2. Bà Phan Thị Ngọc Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Nhã- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 503/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXX-ST ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **LIAO, CHUAN-KAI**, sinh ngày 24/02/1995;

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan);

Số hộ chiếu: 368 730 552 do Trung Quốc (Đài Loan) cấp ngày 11/8/2025

Địa chỉ: Số A đoạn B lộ Đ, phường Đ, khu B, thành phố Đ, Trung Quốc (Đài Loan). (Số A C khóm A, phường C, thị trấn T, huyện V, Trung Quốc (Đài Loan).

(Ông L, CHUAN-KAI vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Ông Lâm Vũ T – sinh năm 1982

Địa chỉ: Số C đường N, phường D, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị **Trần Thị Tiểu Q,** sinh năm 2003

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh An Giang.

(Bà Q vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2025 và bản tự khai và đề nghị xét xử vắng mặt ngày 07/11/2025 nguyên đơn ông L, C – Kai trình bày: Vào năm 2025 ông và

bà Q cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được UBND xã H, tỉnh Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/11/2025.

Sau khi kết hôn, ông làm thủ tục bảo lãnh bà Q sang Đài Loan sinh sống và xây dựng hạnh phúc cùng nhau nhưng sau khi hoàn tất thủ tục cấp visa thì giữa ông và bà Q bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bà Q không đến làm thủ tục phỏng vấn cấp xin visa. Sau đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, lạnh nhạt, không còn quan tâm lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn.

Nay ông xét thấy không còn tình cảm với bà Q nữa nên quyết định ly hôn với bà Q.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông L, C – Kai yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Xin ly hôn với bà Trần Thị Tiểu Q

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Tiểu Q trình bày tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt cùng ngày 29/01/2026 như sau: Bà Q thống nhất theo ý kiến trình bày của ông L, C – Kai về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay ông L, C – Kai yêu cầu xin ly hôn với bà thì ý kiến bà như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với ông L, C – K

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa ông L, C – Kai và bà Trần Thị Tiểu Q đều vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L, C – K, xử cho ông L, C – K được ly hôn với bà Trần Thị Tiểu Q. Về con chung; tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét. Về án phí: Ông L, C – K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang đã triệu tập hợp lệ ông L, C – Kai và bà Q tham gia phiên tòa nhưng các đương sự đều vắng mặt và có

đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn ông L, C – K và bà Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 163/2025 ngày 04 tháng 11 năm 2025 nên theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống đến năm 2025 ông bà phát sinh mâu thuẫn, theo ông L, C – Kai nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, không hợp nhau về tính tình và cách sống dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung và không còn hạnh phúc nữa và vấn đề này cũng được bà Q xác nhận đồng thời bà Q cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L, C – K, xử cho ông L, C – Kai được ly hôn bà Q là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Ông L, C – K và bà Q xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét

[4] Về tài sản chung: Ông L, C – K và bà Q xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét

[5] Về nợ chung: Ông L, C – K và bà Q xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Thống nhất ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông L, C – Kai là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Căn cứ Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 469; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, C – K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông L, C - K được ly hôn với bà Trần Thị Tiểu Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 163/2025 cấp ngày 04 tháng 11 năm 2025 tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh An Giang.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông L, C – K và bà Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3. Về án phí: Ông L, C – K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0011481 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; Ông L, C – Kai không phải nộp thêm. Bà Q không phải chịu án phí.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

4. Về quyền kháng cáo: Ông L, C – Kai có quyền kháng cáo bản bán trong thời hạn 01 (một) tháng tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Toà án niêm yết. Bà Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 5- An Giang;*
- *THADS tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Giồng Riềng;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lữ Cẩm Nhung